

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13

Tổ :

Trang 1/4

Mã nhận dạng 04674

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học đại cương - 13-214103

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (30%)	Đ 2 (70%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14224001	NGUYỄN VĂN CẢNH	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	14224002	NGUYỄN THỊ CÚC	TC14QLNT							(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	14224003	VÕ VIỆT CƯỜNG	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	14224004	HUỖNH VĂN ĐÀI	TC14QLNT			8.0		7.0	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	14224005	NGUYỄN HỮU ĐẠT	TC14QLNT			8.5		7.0	7.5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	14224006	LƯƠNG TẤN DƯƠNG	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	14224007	TRẦN THANH HÀ	TC14QLNT			8.0		7.5	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	14224008	DƯƠNG THANH HOÀNG HIẾU	TC14QLNT			8.0		7.0	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	14224009	TRẦN THỊ KIM HỢP	TC14QLNT			8.0		7.5	7.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	14224010	NGUYỄN QUỐC HÙNG	TC14QLNT							(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	14224011	NGUYỄN VĂN HÙNG	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	14224012	NGUYỄN VĂN HÙNG	TC14QLNT							(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	14224013	NGUYỄN THANH HƯNG	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	14224014	TRƯƠNG DUY HƯNG	TC14QLNT			8.0		7.0	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	14224015	NGUYỄN THÁI HUY	TC14QLNT			9.0		9.0	9.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	14224016	SIU JIM	TC14QLNT			8.0		7.0	7.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	14224017	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học đại cương - 13-214103

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14224018	NGUYỄN KINH	KHIÊM	TC14QLNT		8.0		8.0	8.0		
19	14224019	ĐỖ XUÂN	KHOÁI	TC14QLNT		8.0		7.5	7.7		
20	14224020	NGUYỄN DUY	KHÔI	TC14QLNT		8.0		8.0	8.0		
21	14224021	DƯƠNG NGỌC	KỶ	TC14QLNT		8.0		8.0	8.0		
22	14224022	NGUYỄN	LÂM	TC14QLNT		9.0		9.0	9.0		
23	14224023	DƯƠNG VŨ	LINH	TC14QLNT		/		/			
24	14224024	MAI VĂN	LĨNH	TC14QLNT		8.0		9.0	8.7		
25	14224025	NGUYỄN HOÀNG PHI	LONG	TC14QLNT		8.0		7.5	7.7		
26	14224026	LÊ THÀNH	LUÂN	TC14QLNT		8.0		7.5	7.7		
27	14224027	NGUYỄN KHẮC	LUÂN	TC14QLNT		8.5		9.0	8.9		
28	14224028	TỬ CÔNG	LUÂN	TC14QLNT		8.0		8.0	8.0		
29	14224029	NGUYỄN ĐÌNH	LUẬT	TC14QLNT		8.0		8.0	8.0		
30	14224030	LÊ THỊ ÁI	MY	TC14QLNT		8.0		7.0	7.3		
31	14224031	MAI HUY	NAM	TC14QLNT		/		/			
32	14224032	ĐẶNG TUẤN	NINH	TC14QLNT		9.0		8.0	8.3		
33	14224033	TRƯƠNG VĨNH	PHÁP	TC14QLNT		8.0		7.0	7.3		
34	14224034	ĐÀO MINH	PHONG	TC14QLNT		8.0		8.0	8.0		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Tin học đại cương - 13-214103

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14224035	PHẠM THỊ PHƯƠNG	TC14QLNT								
36	14224036	ĐỖ THANH TÂM	TC14QLNT								
37	14224037	NGUYỄN LÊ THỊ TÂM	TC14QLNT			9.0		8.0	8.3		
38	14224038	TRƯƠNG MINH THÀNH	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0		
39	14224039	ĐÀO VĂN THẮNG	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0		
40	14224040	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	TC14QLNT			8.0		7.5	7.7		
41	14224041	PHẠM ĐỖ NGỌC THẮNG	TC14QLNT			9.0		9.0	9.0		
42	14224042	TRẦN ANH THI	TC14QLNT			8.0		8.5	8.4		
43	14224043	TRẦN THỊ KHÁNH THUẬN	TC14QLNT			8.0		9.0	8.7		
44	14224044	LÊ THỊ BÍCH THỦY	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0		
45	14224045	PHAN PHƯƠNG TÍN	TC14QLNT			9.0		7.0	7.6		
46	14224046	NGUYỄN TỔ TOÀN	TC14QLNT			9.0		8.0	8.3		
47	14224047	NGUYỄN THỊ NGUYỄN TRANG	TC14QLNT			8.5		8.0	8.2		
48	14224048	VÕ THỊ TUYẾT TRANG	TC14QLNT			8.0		8.0	8.0		
49	14224049	TRẦN VĂN TRINH	TC14QLNT			7.5		7.0	7.2		
50	14224050	NGUYỄN VĂN TUẤN	TC14QLNT								

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Võ Phúc An Duy


Võ Phúc An Duy